

Số: 2048/QĐ-UBND

Yên Mỹ, ngày 25 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của xã Yên Mỹ đã được HĐND xã phê duyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN MỸ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 789/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 790/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Yên Mỹ về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Yên Mỹ về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 xã Yên Mỹ;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của HĐND xã Yên Mỹ về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Yên Mỹ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Yên Mỹ đã được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Kinh tế xã tổ chức thực hiện Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Như điều 3;
- Các ngành đoàn thể xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Hồng Tuyền



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)



NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	948.068	TỔNG SỐ CHI	948.068
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	932	I. Chi đầu tư phát triển	569.500
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	599.380	II. Chi thường xuyên	288.494
III. Thu bổ sung	347.756	III. Dự phòng	17.512
- <i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	275.194	IV. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS tỉnh	31.469
- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	72.562	V. Chi từ nguồn CCTL để thực hiện chính sách ASXH	41.093
IV. Thu chuyển nguồn			

Handwritten signature in blue ink.

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)



ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu	2.310.868	948.068
I	Các khoản thu 100%	932	932
1	Phí, lệ phí	150	150
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	517	517
3	Thu khác	265	265
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.962.180	599.380
1	Các khoản thu phân chia	39.650	14.550
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.150	3.150
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
1.4	Lệ phí trước bạ	36.500	11.400
	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.500	900
	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tài sản khác	35.000	10.500
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.922.530	584.830
2.1	Thu tiền sử dụng đất	1.900.000	569.500
	Khu đất tỉnh quản lý	1.700.000	433.500
	Khu đất xã, phường quản lý	200.000	136.000
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	30	30
2.3	Đất dôi dư xen kẹt		
2.4	Thuế giá trị gia tăng	9.000	9.000
2.5	Thuế thu nhập cá nhân	13.500	6.300
	Thu từ tiền chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và quà tặng là bất động sản	9.000	1.800
	Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân	4.500	4.500
2.6	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	347.756	347.756
1	Thu bổ sung cân đối	275.194	275.194
2	Thu bổ sung có mục tiêu	72.562	72.562

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	948.068	569.500	378.568
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	875.506	569.500	306.006
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	4.688	2.700	1.988
	<i>Chi dân quân tự vệ</i>	1.907		1.907
	<i>Chi trật tự an toàn xã hội</i>	2.781	2.700	81
2	Chi giáo dục	322.091	144.518	177.573
3	Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.423		1.423
4	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	26.620	2.050	24.570
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình	60.536	59.681	855
6	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.431		3.431
7	Sự nghiệp bảo đảm xã hội	21.247	6.046	15.201
8	Chi các hoạt động kinh tế	236.730	231.484	5.246
	<i>Sự nghiệp giao thông</i>	167.308	165.079	2.229
	<i>Sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm, thủy lợi nội đồng; phòng chống lụt bão, thiên tai, phòng chống dịch bệnh</i>	257		257
	<i>Duy tu bảo dưỡng công trình phục vụ công cộng, sự nghiệp kiến thiết thị chính, tài nguyên địa chính (gồm cả khảo sát giá đất), sự nghiệp kinh tế khác</i>	68.205	66.405	1.800
	<i>Kinh phí hỗ trợ hoạt động bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị quyết số 775/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh</i>	960		960
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	164.467	123.021	41.446
	<i>Quản lý Nhà nước</i>	139.772	123.021	16.751
	<i>Trung tâm phục vụ Hành chính công</i>	1.780		1.780
	<i>Đảng Cộng sản Việt Nam</i>	13.601		13.601
	<i>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</i>	9.314		9.314
10	Chi cho công tác xã hội	2.659		2.659
11	Chi khác	11.130		11.130
12	Chi khen thưởng	1.444		1.444
13	Tiết kiệm tạo nguồn làm lương (Trừ SN Giáo dục)	1.528		1.528
14	Dự phòng	17.512		17.512
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH	31.469		31.469
C	CHI TỪ NGUỒN CCTL ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ASXH	41.093		41.093